DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 1
Điều 1: Giải thích từ ngữ: 1
Điều 2: Tên, hình thức pháp lý: 2
Điều 3: Trụ sở, chi nhánh: 2
Điều 4: Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước: 2
Điều 5: Ngành, nghề kinh doanh: 2
Điều 6: Thời hạn hoạt động: 3
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 3
Điều 7: Vốn điều lệ: 3
Điều 8: Loại cổ phần: 3
Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông: 3
Điều 10: Người đại diện phần vốn Nhà nước: 5
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ 5
Điều 11: Cơ cấu tổ chức: 5
Mục I: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) 6
Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: 6
Điều 13. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông: 6
Điều 14. Triệu tập đại hội đồng cổ đông: 7
Điều 15: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. 8
Điều 16. Mời họp đại hội đồng cổ đông: 9
Điều 17: Thực hiện quyền dự họp; điều kiện tiến hành họp; thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: 9
Điều 18: Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: 9
Điều 19: Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua: 10
Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: 11
Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: 11
Mục II: Hội đồng quản trị 11
Điều 22. Cơ cấu, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị: 11
Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị. 12
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: 12
Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị: 13

Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị: 15
Điều 27. Giám đốc công ty: 16
Điều 28. Thư ký công ty: 17
Điều 29. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc công ty: 18
Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị: 18
MỤC III. Ban kiểm soát 19
Điều 31. Thành phần Ban kiểm soát: 19
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: 19
Điều 33. Trách nhiệm của Ban kiểm soát: 20
Điều 34. Trưởng Ban kiểm soát: 21
Điều 35. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát: 21
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên: 21
CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY 22
Điều 37. Nguyên tắc quản lý vốn nhà nước 22
Điều 38. Xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu 22
Điều 39. Thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu: 23
Điều 40. Quyền và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty: 23
Điều 41. Giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu: 24
CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 24
Điều 42. Báo cáo tài chính: 24
Điều 43. Kiểm toán độc lập: 25
Điều 44. Phân phối lợi nhuận sau thuế: 25
Điều 45. Cổ tức: 25
CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ HOẠT ĐỘNG – THANH LÝ 26
Điều 46. Chấm dứt hoạt động: 26
Điều 47. Gia hạn hoạt động: 27
Điều 48. Thanh lý: 27
CHƯƠNG VII. THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 28
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ 28
CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ HIỆU LỰC 28

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ: 28
Điều 51. Ngày hiệu lực: 28

UBND TỈNH HÀ TĨNH
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

Căn cứ các Luật và văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan;

Điều lệ sửa đổi là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh. Điều lệ này được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh tổ chức chính thức vào ngày tháng 4 năm 2026.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ:

Trong điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *"Vốn điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ cho công ty.

2. *"Luật Doanh nghiệp"* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

3. "*Luật số 68/2025/QH15*" là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;

4. *"Công ty"* là Công ty cổ phần cấp nước Hà Tĩnh;

5. *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giây chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

6. *"Người điều hành công ty"* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

7. *"Người quản lý doanh nghiệp"* là người quản lý công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và các cá nhân giữ các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết các giao dịch của công ty;

8. *"Cổ đông"* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

9. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

10. *"Thời hạn hoạt động"* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 6 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;

Điều 2: Tên, hình thức pháp lý:

1. Tên công ty:

Tên tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

Tên tiếng anh: Ha Tinh Water Supply Joint Stock Company

Tên viết tắt: HAWASU. JSC

2. Loại hình Công ty: Công ty cổ phần có vốn nhà nước chi phối (95,77%), có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 3: Trụ sở, chi nhánh:

Địa chỉ trụ sở chính : số 01, đường Nguyễn Hoành Từ, phường Hà Huy Tập, tỉnh Hà Tĩnh.

Điện thoại: 0239 3685 868

Fax: 0239 3886 680

Website: www.capnuochatinh.vn

Công ty có thể thành lập Chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của công ty, phù hợp với Quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 4: Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước: 95,77% vốn điều lệ.

Việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 5: Ngành, nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch; kiểm định đồng hồ đo nước sạch.

- Tư vấn lập dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ quan tâm; Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ quan tâm; Thiết kế, thi công; thẩm tra, thẩm định thiết kế - dự toán; Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước và xây dựng dân dụng.

- Thi công xây dựng, lắp đặt, cải tạo các công trình cấp thoát nước.

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.

- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và xây dựng dân

dụng.

Điều 6: Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của công ty bắt đầu từ ngày thành lập ghi trong giấy đăng ký kinh doanh và là vô thời hạn Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 40 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 41 Điều lệ này

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 7: Vốn điều lệ:

1. Vốn điều lệ của công ty là **204.008.930.000** đồng

(Bằng chữ: *Hai trăm linh bốn tỷ, không trăm linh tám triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn*).

Tổng số vốn điều lệ của công ty được chia thành **20.400.893** cổ phần, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8: Loại cổ phần:

1. Cổ phần phổ thông: Các cổ phần của công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông tương ứng với **20.400.893** cổ phần. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 9 của Điều lệ này. Đối với cổ phần phổ thông bán ưu đãi cho người lao động và tổ chức công đoàn khi cổ phần hóa, việc chuyển nhượng thực hiện theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và theo Quyết định của đại hội đồng cổ đông.

3. Việc chuyển nhượng, thoái vốn hoặc bán phần vốn Nhà nước tại công ty được thực hiện theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và theo quy định của pháp luật về quản lý, sử fungj vốn đầu tư của nhà nước vào doanh nghiệp, các quy định có liên quan của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

1. Cổ đông là người chủ sở hữu công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

2. Cổ đông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền

biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hội nghị trực tuyến, qua điện thoại hoặc bằng hình thức khác mà pháp luật cho phép;

b) Nhận cổ tức với mức theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% trở lên thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế của công ty, chấp hành Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

b) Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

c) Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

d) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

đ) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau: vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến

hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 10: Người đại diện phần vốn Nhà nước:

1. Người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh) ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần (theo Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025), thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông nhà nước tại đại hội đồng cổ đông.

2. Tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: Tuân thủ theo Điều 37 Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

3. Quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: Theo quy định tại Điều 39 Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 11: Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của công ty gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông

2. Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

4. Giám đốc

Công ty chỉ có một (01) người làm người đại diện theo pháp luật; Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Người đại diện theo pháp luật của công ty có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.

b) Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc mình và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho công ty do vi phạm các trách nhiệm nêu tại điều này.

Mục I: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Điều 12: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan Quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; Quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty; bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 13. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông do chủ tọa lựa chọn phù hợp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị Quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm; lựa chọn tổ chức kiểm toán hàng năm.

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

Điều 14. Triệu tập đại hội đồng cổ đông:

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của điều lệ công ty;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định

của Luật này.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của điều lệ này;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

k) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 15: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông; sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 16. Mời họp đại hội đồng cổ đông:

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty tại Website: http:// capnuochatinh.vn; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết.

Điều 17: Thực hiện quyền dự họp; điều kiện tiến hành họp; thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được thực hiện quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các Điều 144, 145 và 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 18: Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 19: Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;

e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này;

3. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu; theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua trên trang thông tin điện tử của công ty tại Website: http://capnuochatinh.vn.

6. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

Điều 20. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp; phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết; tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

l) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

2. Biên bản phải được đăng tải cùng tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông lên trang web của công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 21. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Việc hủy bỏ Nghị quyết được thực hiện theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có trên 5% cổ phần và thực hiện theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục II: Hội đồng quản trị

Điều 22. Cơ cấu, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của thành

viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30 Điều lệ này.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên trang website: capnuochatinh.vn của công ty..

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh tuân thủ theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật số 68/2025/QH15 về quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để Quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền Quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do

Điều lệ công ty quy định; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc công ty và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty; Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết, Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị có quyền thành lập các tiểu ban để phục vụ cho công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng bộ máy của công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không đồng thời là Giám đốc công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định, kết luận của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, kết luận của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các Quyết định liên quan đến thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

✓ Các Nghị quyết, Quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua; có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, Quyết định, quy định, thỏa thuận khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

✓ Quyết định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các giao dịch dưới 3% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

✓ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; ký hợp đồng lao động và Quyết định mức lương, lợi ích khác đối với: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban QLDA; Trưởng, Phó các phòng, ban; Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc; đại diện công ty tại các liên doanh; Thư ký HĐQT và các chức danh quản lý khác sau khi đã được HĐQT nhất trí thông qua.

✓ Xây dựng các quy chế để trình HĐQT thông qua về tổ chức cán bộ; tổ chức bộ máy quản lý sản xuất, kinh doanh.

✓ Phê duyệt quy chế tuyển dụng lao động và các quy chế quản lý nội bộ khác trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và được HĐQT thông qua..

✓ Nhân danh công ty trong các hoạt động đối ngoại.

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị

Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có Quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó phải thực hiện cuộc họp đầu tiên bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và Quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và Quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (VPĐT) bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng

không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì Quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

11. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 27. Giám đốc công ty:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc công ty là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Kết luận của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; thay mặt công ty ký các giao dịch tài chính, các hợp đồng kinh tế trong công tác sản xuất kinh doanh theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Trực tiếp trình Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị như kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, kế hoạch đầu tư, thẩm tra quyết toán dự án; các chế độ của người lao động.

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật này doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

Điều 28. Thư ký công ty:

Hội đồng quản trị chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

3. Tham dự các cuộc họp và ghi chép biên bản họp; xây dựng dự thảo kết luận, Nghị quyết cho Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bảo đảm phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc công ty:

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý công ty theo kết quả, hiệu quả kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được trả theo thang lương, bảng lương và Quy chế trả lương cho người quản lý công ty. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng các chế độ theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền lương. Mức thù lao và tiền lương do Hội đồng quản trị dự tính và đề xuất theo nguyên tắc nhất trí; tổng mức thù lao và tiền lương của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 30: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 23 điều lệ này và Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không có đủ năng lực hành vi dân sự, không còn quyền công dân hoặc sức khỏe không đảm bảo thực hiện công việc.

d) Nghỉ hưu hưởng chế độ Bao hiểm xã hôi đối với thành viên HĐQT không phải là cổ đông sáng lập hoặc cổ đông nắm cổ phần chi phối.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 thảng liên tục, trừ trưởng hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thảnh viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

MỤC III. Ban kiểm soát

Điều 31. Thành phần Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu; nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau đây:

a) Đảm nhiệm chức danh quản lý nào trong các chức danh quản lý của công ty.

b) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cơ chế cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty; công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp, phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Trách nhiệm của Ban kiểm soát:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh hoặc tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 34. Trưởng Ban kiểm soát:

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách; các thành viên còn lại hoạt động theo chế độ không chuyên trách.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập các cuộc họp Ban kiểm soát; điều hành hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu công ty cung cấp các thông tin liên quan;

c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản, báo cáo của Ban kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông Quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng chi phí hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có Quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đồng thời phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không có đủ năng lực hành vi dân sự, không còn quyền công dân hoặc sức khỏe không đảm bảo thực hiện công việc.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY

Điều 37. Nguyên tắc quản lý vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty là người do cơ quan đại diện chủ sở hữu cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông nhà nước tại công ty theo quy định của pháp luật.

2. Việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả;

b) Quản lý, sử dụng vốn nhà nước chặt chẽ, không để xảy ra thất thoát, lãng phí; người đại diện phần vốn nhà nước phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu để xảy ra mất vốn hoặc thiệt hại;

c) Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính và sử dụng vốn nhà nước; bảo đảm việc cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu

Các nội dung người đại diện phần vốn nhà nước phải báo cáo và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Hội đồng quản trị gồm:

1. Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh; mục tiêu, nhiệm vụ.

2. Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng hoặc giảm vốn điều lệ.

3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc; Trưởng Ban kiểm soát.

4. Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.

5. Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần trong trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở

hữu. Vốn chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm gần nhất.

6. Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25 Luật số 68/2025/QH15. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu:

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp. Quản lý vốn nhà nước tại công ty phải thông qua người đại diện người đại diện phần vốn nhà nước; bảo đảm doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến về các chỉ tiêu tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) hoặc tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) để doanh nghiệp xây dựng, thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm theo quy định. Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ các nội dung quy định tại khoản 3, điều 50 Luật số 68/2025/QH15 và báo cáo, đề xuất của người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty để chỉ đạo nội dung này.

Điều 40. Quyền và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty:

1. Thực hiện quyền, trách nhiệm một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Nhà nước, doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản cùa doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Kịp thời báo cáo xin ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại mục 2 Chương III của Luật số 68/2025/QH15 và điều 38 của Điều lệ này.

3. Chịu trách nhiệm trước đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước theo quy định của Luật số 68/2025/QH15 và quy chế hoạt động cùa người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty, bao gồm các nội dung về xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp. Báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của công ty, những trường hợp sai phạm khác và khi công ty bị đề nghị giải thể, có nguy cơ phá sản.

4. Cảnh báo, kịp thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu, đề xuất biện pháp can thiệp phù hợp khi công ty có nguy cơ, rủi ro dẫn đến thất thoát, hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của công

ty, những trường hợp sai phạm khác và khi công ty bị đề nghị giải thể, có nguy cơ phá sản.

5. Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu về tình hình đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại công ty.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại công ty.

7. Không được tiếp tục làm người đại diện phần vốn nhà nước khi không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn nhà nước hoặc thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc khi bị cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 41. Giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu giám sát, kiểm tra các hoạt động sau đây:

1. Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại công ty; hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại công ty;

2. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước;

3. Việc chuyển nhượng, thu hồi vốn, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại công ty.

4. Việc thực hiện kiến nghị, cảnh báo của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại công ty.

CHƯƠNG V. TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Báo cáo tài chính:

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật; báo cáo này phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này và phải nộp báo cáo tài chính hợp lệ cho các cơ quan quản lý có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi, lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm lập báo cáo; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý, đồng thời nộp cho cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo

cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm có quyền kiểm tra hoặc sao chụp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý trên trang website của công ty.

Điều 43. Kiểm toán độc lập:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một (01) công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT Quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu, chi của Công ty; lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi kèm theo báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có quyền nhận các thông báo và tài liệu khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận, đồng thời được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán.

Điều 44. Phân phối lợi nhuận sau thuế*:*

Lợi nhuận sau thuế còn lại được phân phối theo nguyên tắc:

1. Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của công ty, bổ sung vốn điều lệ.

2. Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp.

3. Trích lập các quỹ theo quy định của các luật có liên quan;

4. Phần lợi nhuận được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần, vốn góp do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án khi được đồng ý của đại diện chủ sở hữu.

Điều 45. Cổ tức:

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính

khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể Quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền công ty đã chuyển cho cổ đông này.

5. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể. Căn cứ theo ngày đó, những người có tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

CHƯƠNG VI. GIẢI THỂ HOẠT ĐỘNG – THANH LÝ

Điều 46. Chấm dứt hoạt động:

Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- Khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- Tòa án tuyên bố công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Giải thể trước thời hạn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Việc giải thể công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông Quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 47. Gia hạn hoạt động:

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 48. Thanh lý:

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của công ty hoặc sau khi có một Quyết định giải thể công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

đ. Các khoản nợ khác của công ty;

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG VII. THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VÀ HIỆU LỰC

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu các cơ quan hữu quan chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được Quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu Quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ:

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét Quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 51. Ngày hiệu lực:

1. Bản Điều lệ này gồm 8 chương 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần

Cấp nước Hà Tĩnh nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2026.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.